

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUANG BÌNH  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2021

V/v tranh chấp về việc thay đổi  
người trực tiếp nuôi con  
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hữu Ước

Ông Hứa Đức Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Nhất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Huy B; sinh năm: 1986; địa chỉ: Khu C, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị D; sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Chị Hoàng Thị T; sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

- Anh Vàng Văn C; sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo đơn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Huy B trình bày theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 229/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ, thì chị Hoàng Thị D và anh B thuận tình ly hôn; chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đại N, sinh ngày 10/01/2018, anh B không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị D vì chị D không có yêu cầu; không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung. Sau khi ly hôn thì anh B có lên thăm nom con và quan tâm chăm sóc con. Tuy nhiên, từ năm 2020 thì chị D đã lấy chồng mới và khi về nhà chồng thì chị D luôn ngăn cản không cho anh B gặp gỡ, thăm nom, chăm sóc con. Anh B có nhờ đến công an thôn, xã và trưởng thôn can thiệp để cho anh được thăm con. Hiện nay, chị D đã có con với chồng mới, trong khi chị D không có công việc, thu nhập ổn định nên việc chăm sóc đồng thời hai con nhỏ sẽ rất vất vả, việc chăm sóc cháu N không đảm bảo. Trong khi đó, anh B chưa lấy vợ và làm đại lý kinh doanh mặt hàng ga, bếp ga, bếp từ, phụ kiện bếp... có thu nhập ổn định là khoảng 9.000.000 đồng một tháng hoặc hơn, có nhà đất tại thành phố V, gần bệnh viện, trường học, khu vui chơi, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N để cháu phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần. Anh B yêu cầu thay đổi người nuôi con, giao cháu N cho anh trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu N; anh sẽ tạo điều kiện cho chị D thăm nom con. Anh B tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo bản tự khai, đơn đề nghị và tại phiên tòa, bị đơn là chị Hoàng Thị D trình bày sau khi ly hôn với anh B thì chị là người trực tiếp nuôi cháu N. Anh B khi lên thăm nom con thì chẳng chu cấp gì ngoài mấy thùng sữa, mấy thứ đồ chơi. Chị D đã phải làm việc vất vả để nuôi và chăm lo cho con. Năm 2020, chị D lấy chồng là anh Vàng Văn C và cháu N sống cùng với gia đình mới của chị, chị và cháu N sống vui vẻ, hạnh phúc. Khi anh B đến thăm con lần đầu tiên chưa biết nhà nên nhờ công an và trưởng thôn dẫn đến. Việc anh B đến thăm con theo thỏa thuận đồng ý của cả anh B và chị D nên anh B đã yêu cầu công an viên làm giấy cam kết giữa anh C và anh B về việc anh B được đến thăm con một tháng một lần. Ngoài cháu N là con riêng của chị D ra, chị D và anh C đã có một con gái chung, sinh ngày 15/9/2020, tất cả đều sống ở nhà mẹ của anh C. Hiện nay, chị D làm việc tự do, làm ruộng, trồng trọt, chăn nuôi trong gia đình, thu nhập không ổn định, đủ chi tiêu, không có tài sản riêng và không có công nợ gì. Chị D không đồng ý để cháu N cho anh B nuôi mà vẫn muốn được trực tiếp nuôi cháu N vì chị xác định vẫn đủ điều kiện nuôi cháu N.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng thì chị Hoàng Thị T trình bày chị là trưởng thôn L, xã B từ năm 2015 cho đến nay. Khi chị D lấy anh C thì có mang theo con riêng của chị đến sống cùng gia đình anh C là mẹ và em trai của anh C. Quá trình chung sống chưa thấy chị D và anh C xảy ra mâu thuẫn gì. Chị D vừa mới sinh con nhỏ với anh C nên chỉ làm công việc ở nhà, còn anh C và em trai đều

đi làm thuê bốc vác tại công ty vật tư ở địa phương. Vợ chồng chị D, anh C chưa có nhà riêng mà sống cùng mẹ và em trai của anh C. Cháu N từ khi về sống cùng gia đình của anh C thì được cho đi học tại trường mầm non của xã, không thấy gia đình anh C có hành vi đánh đập, ngược đãi cháu. Quá trình lên thăm cháu N thì anh B có hai lần nhờ chị T và có một đến hai lần nhờ công an viên của xã đưa đi, lý do là có lần anh B lên thăm cháu N thì chị D không cho thăm.

Còn anh Vàng Văn C trình bày anh và chị D đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/5/2020. Sau khi kết hôn thì anh và chị D cùng với cháu N là con riêng của chị D với người chồng trước sống cùng với mẹ và em trai của anh C tại nhà của mẹ anh vì anh chưa có nhà riêng. Kể từ khi cháu N về chung sống cùng thì gia đình anh coi cháu N như con cháu trong nhà, cho cháu ăn học và chăm sóc đầy đủ, không có hành vi ngược đãi gì. Anh C và chị D đã có một con gái chung, sinh ngày 15/9/2020. Chị D do mới sinh con nên ở nhà làm việc nhà; mẹ của anh C làm nghề nông, làm công việc đồng áng; anh C và em trai làm công nhân cho công ty vật tư nông nghiệp. Thu nhập hàng tháng của anh C không ổn định, khi nhiều việc thì khoảng 10 triệu đồng, khi ít việc thì khoảng 6 triệu đồng, cũng đủ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Về việc anh B đến thăm cháu N thì gia đình anh C không ngăn cản, nhưng không hiểu vì sao anh B có đưa cả trưởng thôn và công an viên đi cùng để đến thăm cháu. Về việc anh B xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và xin được nuôi cháu N thì anh C đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huy B về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn từ chị Hoàng Thị D thành anh Nguyễn Huy B; giao cháu Nguyễn Đại N, sinh ngày 10/01/2018 cho anh Nguyễn Huy B trực tiếp nuôi; chị Hoàng Thị D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Huy B để anh B chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03615 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Nguyễn Huy B có đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với chị Hoàng Thị D, có địa chỉ tại Thôn L, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc anh B khai là từ khi chị D lấy chồng mới và về nhà chồng sống thì chị D luôn cản trở không cho anh B thăm nom con là cháu N, chị D không thừa nhận có việc này. Anh C là chồng của chị D khai là gia đình anh không ngăn cản anh B đến thăm cháu N. Còn trưởng thôn nơi vợ chồng anh C, chị D sống chỉ khai là anh B có hai lần nhờ chị và có một đến hai lần nhờ công an viên của xã đưa đi, với lý do anh B đưa ra là có lần anh B lên thăm cháu N thì chị D không cho thăm. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy chưa đủ căn cứ để khẳng định việc chị D cản trở anh B thăm nom con.

[3] Chị D có khai là anh B khi lên thăm nom con thì chẳng chu cấp gì ngoài mấy thùng sữa, mấy thứ đồ chơi. Tuy nhiên, theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 229/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ, thì chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N, anh B không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị D vì chị D không có yêu cầu. Mặt khác, anh B có khai tại phiên tòa và chị D cũng thừa nhận có việc anh B có đưa 2.000.000 đồng để đóng tiền học cho con. Ngoài ra, anh B vẫn lên thăm nom con và quan tâm, chăm sóc, mua sữa, quà cho cháu N, dù khoảng cách từ nhà anh B đến chỗ chị D và cháu N ở là hơn 200km. Điều đó thể hiện là anh B đã thực hiện đúng quyết định trên, thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu N, không vi phạm gì.

[4] Nguyên vọng được trực tiếp nuôi cháu N của anh B và chị D là chính đáng; đây là quyền và nghĩa vụ của anh, chị sau khi ly hôn đối với con, nhưng việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét điều kiện về mọi mặt, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi từ vật chất đến tinh thần cho cháu có thể phát triển một cách tốt nhất.

[5] Từ sau khi ly hôn, chị D đã trực tiếp nuôi cháu N và vẫn đảm bảo cho cháu phát triển bình thường. Tuy nhiên, chị D đã lập gia đình mới và sống chung với gia đình nhà chồng; mặc dù chị D và chồng mới đều khẳng định vẫn chăm sóc cháu N đầy đủ và cho cháu đi học trường mầm non của xã, nhưng hiện nay chị D và chồng mới đã có con chung, sinh ngày 15/9/2020. Hội đồng xét xử thấy với điều kiện hoàn cảnh về nhà cửa, công việc và thu nhập của vợ chồng chị D, anh C hiện nay thì việc nuôi dưỡng, chăm sóc đồng thời hai con nhỏ, một cháu một tuổi là con của chị D với anh C và một cháu hơn bốn tuổi là con của chị D với anh B thì sẽ khó khăn hơn cả về thời gian, sức lực và tiền bạc so với khi chỉ nuôi dưỡng, chăm sóc mình cháu N.

[6] Trong khi đó, anh B chưa lập gia đình mới, có nhà cửa, công việc và thu nhập ổn định, nên việc trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt về vật chất, về tinh thần cho cháu hơn. Đồng thời chị D sẽ có thêm thời gian và điều kiện về vật chất, tinh thần để chăm sóc tốt hơn con chung của chị với chồng mới.

[7] Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, giao cháu N cho anh B trực tiếp nuôi cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Anh B không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con nên chị D không phải cấp dưỡng cho con.

[9] Anh B tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm, cần chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huy B về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn từ chị Hoàng Thị D thành anh Nguyễn Huy B.

Giao cháu Nguyễn Đại N, sinh ngày 10/01/2018 cho anh Nguyễn Huy B trực tiếp nuôi; chị Hoàng Thị D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Huy B chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03615 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình

thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Mai Hồng**